

NGHỊ QUYẾT

Về giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2021 của huyện Cẩm Mỹ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ
KHÓA III - KỲ HỌP THỨ 18**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công

Căn cứ Quyết định số 4689/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai, về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét Tờ trình số 195/TTr-UBND ngày 27/11/2020 của Ủy ban nhân dân huyện, về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2020 và nội dung giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2021; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông nhất với đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2020 và nội dung giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2021 tại Tờ trình số 195/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2020 của UBND huyện trình HĐND huyện khoá III kỳ họp thứ 18, cụ thể gồm:

a) Căn cứ, nguyên tắc lập:

- Tuân thủ các quy định của pháp luật, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch ngành, lĩnh vực đã được phê duyệt; khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công theo Luật Đầu tư công.

- Bố trí theo thứ tự ưu tiên, có trọng tâm, trọng điểm không dàn trải và đảm bảo hiệu quả đầu tư, tập trung bố trí vốn đối với các chương trình, dự án

quan trọng, chương trình, dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Bảo đảm tính thống nhất, minh bạch, công khai và công bằng.

b) Cân đối nguồn vốn huyện giao:

- Tổng nguồn vốn đầu tư xây dựng năm 2021: 190 tỷ 827 triệu đồng, cụ thể như sau:

+ Nguồn vốn ngân sách tập trung: 108 tỷ 140 triệu đồng

+ Nguồn vốn xổ số kiến thiết: 53 tỷ 987 triệu đồng

+ Nguồn tỉnh bổ sung có mục tiêu: 12 tỷ 500 triệu đồng

+ Nguồn thu sử dụng đất (huyện hưởng): 16 tỷ 200 triệu đồng.

- Phân bổ chỉ tiêu kế hoạch các nguồn vốn: 190 tỷ 827 triệu đồng

- Thực hiện dự án: 72 tỷ 977 triệu đồng

- Vốn chuẩn bị đầu tư: 9 tỷ 800 triệu đồng

- Vốn bố trí thực hiện dự án khi đủ điều kiện: 82 tỷ đồng

- Vốn cấp sau quyết toán và hỗ trợ các dự án XHH: 26 tỷ 050 triệu đồng

(Phụ biểu chi tiết kèm theo)

c) Dự án xã hội hóa năm 2020:

- Dự án xã hội hóa giao thông nông thôn:

- Tổng số dự án 181 dự án, tổng vốn đầu tư: 170 tỷ 985 triệu đồng,

Trong đó:

+ Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ: 71 tỷ 398 triệu đồng

+ Vốn ngân sách huyện hỗ trợ: 51 tỷ 053 triệu đồng

+ Vốn nhân dân đóng góp: 48 tỷ 444 triệu đồng

(Phụ biểu chi tiết kèm theo)

- Dự án xã hội hóa điện hạ thế:

- Tổng số dự án 01 dự án, tổng vốn đầu tư: 400 triệu đồng

Trong đó:

+ Vốn ngân sách huyện hỗ trợ: 120 triệu đồng

+ Vốn nhân dân đóng góp: 280 triệu đồng

(Phụ biểu chi tiết kèm theo)

- Dự án xây dựng nhà văn hoá ấp:

- Tổng số dự án 06 dự án, tổng vốn đầu tư: 2 tỷ 700 triệu đồng

Trong đó:

- + Vốn ngân sách huyện hỗ trợ: 2 tỷ 400 triệu đồng
 + Vốn nhân dân đóng góp: 300 triệu đồng

(Phụ biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này, đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2021 và báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân huyện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức thành viên vận động tổ chức và nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của nhân dân kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Cẩm Mỹ khóa III, kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 17 tháng 12 năm 2020./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- TT. Huyện ủy, TT. HĐND huyện;
- VP Huyện ủy và các Ban Đảng;
- UBMTTQ và các đoàn thể;
- Chủ tịch, các PCT. UBH;
- Các Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị huyện;
- TT HĐND các xã;
- Ủy ban nhân dân các xã;
- Đảng Trang TTĐT huyện;
- Chánh, các Phó VP.UBH;
- Lưu: VT, TH (HĐND).

CHỦ TỊCH



Vũ Thanh Tùng





BIỂU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021
DO NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN TRỰC TIẾP GIAO CHỈ TIÊU


(Kèm theo Nghị quyết số: 31 /NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2020 của HĐND huyện Cẩm Mỹ)


ĐVT: ngàn đồng


STT	Danh mục dự án	Địa điểm	Tổng mức đầu tư	Đã bố trí vốn KH đến năm 2020	Kế hoạch năm 2021				Ghi chú	
					Tổng số	Trong đó				
						Nguồn XDCB tập trung	Nguồn số sổ kiến thiết	Nguồn tinh bổ sung có mục tiêu		Nguồn thu tiền sử dụng đất
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	12
	TỔNG CỘNG (A+B)		609.527.432	119.551.000	190.827.000	108.140.000	53.987.000	12.500.000	16.200.000	
A	Thực hiện dự án		248.665.432	119.551.000	70.977.000	26.690.000	31.787.000	12.500.000	-	
	Dự án chuyển tiếp		248.665.432	119.551.000	70.977.000	26.690.000	31.787.000	12.500.000	-	
a	Công trình giao thông		90.385.339	44.451.000	19.690.000	17.190.000	-	2.500.000	-	
1	XD đường vào cụm Công nghiệp Long Giao	Long Giao	38.786.000	30.451.000	2.500.000			2.500.000		
2	Đường từ N16 (đoạn từ D17 đến D13)	Long Giao	2.536.219	1.500.000	1.490.000	1.490.000				
3	Đường ấp 9, ấp 11 đi ấp Tân Xuân xã Bảo Bình	Bảo Bình	31.659.000	5.000.000	7.000.000	7.000.000				

STT		Địa điểm	Tổng mức đầu tư	Đã bố trí vốn KH đến năm 2020	Kế hoạch năm 2021					Ghi chú
					Tổng số	Trong đó				
						Nguồn XDCB tập trung	Nguồn số kiến thiết	Nguồn tỉnh bổ sung có mục tiêu	Nguồn thu tiền sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	12
4	Đường nội đồng ấp 3 xã Xuân Tây đi Bảo Bình	Bảo Bình	11.720.836	4.500.000	6.000.000	6.000.000				
5	Đường tổ 26 ấp Tân Hạnh, xã Xuân Bảo	Xuân Bảo	5.683.284	3.000.000	2.700.000	2.700.000				
b	Công trình quản lý nhà nước		12.807.000	7.000.000	6.700.000	6.700.000	-	-	-	
1	Xây dựng nhà lực lượng Công an xã Lâm San	Lâm San	4.697.000	3.000.000	2.900.000	2.900.000				
2	Xây dựng nhà lực lượng Công an xã Sông Ray	Sông Ray	4.292.000	2.000.000	2.300.000	2.300.000				
3	Xây dựng nhà lực lượng Công an xã Xuân Tây	Xuân Tây	3.818.000	2.000.000	1.500.000	1.500.000				
c	Công trình giáo dục		140.333.093	64.100.000	41.787.000	-	31.787.000	10.000.000	-	
1	Xây dựng trường mầm non Xuân Mỹ (PH ấp 1)	Xuân Mỹ	41.265.000	12.000.000	10.000.000		10.000.000			
2	Xây dựng trường mầm non Long Giao	Long Giao	25.782.000	20.800.000	2.000.000		2.000.000			
3	Nâng cấp, sửa chữa Trường tiểu học Hòa Bình	Sông Ray	5.139.000	2.000.000	2.500.000		2.500.000			
4	Nâng cấp, sửa chữa Trường tiểu học Hồng Bàng	Sông Ray	3.453.000	1.300.000	1.900.000		1.900.000			

STT	 Danh mục dự án	Địa điểm	Tổng mức đầu tư	Đã bố trí vốn KH đến năm 2020	Kế hoạch năm 2021				Ghi chú	
					Tổng số	Trong đó				
						Nguồn XDCB tập trung	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tỉnh bổ sung có mục tiêu		Nguồn thu tiền sử dụng đất
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	12
5	Sửa chữa Trường TH Quang Trung	Sông Nhạn	4.673.000	1.800.000	2.700.000		2.700.000			
6	XD 04 phòng học trường mầm non Sông Nhạn	Sông Nhạn	5.407.000	2.000.000	3.000.000		3.000.000			
7	Nâng cấp, sửa chữa trường tiểu học Lâm San	Lâm San	8.218.000	3.200.000	3.287.000		3.287.000			
8	Xây dựng phòng học trường tiểu học Ngô Mây	Lâm San	5.150.000	2.500.000	3.000.000		3.000.000			
9	Xây dựng trường tiểu học Sông Nhạn (Phân hiệu ấp 1)	Sông Nhạn	6.233.000	2.500.000	3.400.000		3.400.000			
10	Xây dựng phân hiệu trường mầm non Sông Ray	Sông Ray	35.013.093	16.000.000	10.000.000			10.000.000		
d	Công trình văn hóa		5.140.000	4.000.000	2.800.000	2.800.000	-	-	-	
1	Duy tu sửa chữa TTVH - HTCD Nhân Nghĩa	Nhân Nghĩa	2.550.000	2.000.000	1.400.000	1.400.000				
2	Duy tu sửa chữa TTVH - HTCD Thừa Đức	Thừa Đức	2.590.000	2.000.000	1.400.000	1.400.000				
B	Chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án		360.862.000	-	10.800.000	5.600.000	5.200.000	-	-	
I	Công trình giao thông		128.570.000	-	4.100.000	4.100.000	0	0	0	
1	Nâng cấp đường ấp 3 Lâm San – Quảng Thành	Lâm San	42.500.000		1.000.000	1.000.000				

STT		Địa điểm	Tổng mức đầu tư	Đã bố trí vốn KH đến năm 2020	Kế hoạch năm 2021					Ghi chú
					Tổng số	Trong đó				
						Nguồn XDCB tập trung	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tinh bổ sung có mục tiêu	Nguồn thu tiền sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	12
2	Đường ĐT764 đi Suối Lức	Xuân Đông	26.270.000		500.000	500.000				
3	Đường D13 (Đoạn N10- N16)	Long Giao	4.900.000		400.000	400.000				
4	Đường N14-2 (Đoạn D17 - D 13)	Long Giao	2.400.000		200.000	200.000				
5	Đường N7 nối dài trước trụ sở Đội CA- PCCC và Đường trước trụ sở Huyện đội.	Long Giao	10.700.000		500.000	500.000				
6	Đường nội đồng cống 7 cửa đi ấp 1, ấp 2, ấp 3 xã Sông Ray	Sông Ray	13.000.000		500.000	500.000				
7	Đường nội đồng ấp 2, xã Xuân Tây	Xuân Tây	14.000.000		500.000	500.000				
8	Đường nội ô ấp 1, ấp 5 xã Sông Ray	Sông Ray	14.800.000		500.000	500.000				
II	Công trình quản lý nhà nước		31.227.000	-	1.500.000	1.500.000	-	-	-	
1	Xây dựng hội trường Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ	Long Giao	2.819.000		200.000	200.000				
2	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ	Long Giao	4.699.000		200.000	200.000				
3	Xây dựng trụ sở Công an xã Bảo Bình	Bảo Bình	5.889.000		300.000	300.000				
4	Xây dựng trụ sở Công an xã Nhân Nghĩa	Nhân Nghĩa	5.889.000		300.000	300.000				

STT	 Danh mục dự án	Địa điểm	Tổng mức đầu tư	Đã bố trí vốn KH đến năm 2020	Kế hoạch năm 2021				Ghi chú	
					Tổng số	Trong đó				
						Nguồn XDCB tập trung	Nguồn xổ số kiến thiết	Nguồn tỉnh bổ sung có mục tiêu		Nguồn thu tiền sử dụng đất
1	3	4	5	6	7	8	9	10	12	
5	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Xuân Tây	Xuân Tây	5.447.000		200.000	200.000				
6	Xây dựng hội trường UBND xã Lâm Sơn	Lâm Sơn	6.484.000		300.000	300.000				
III	Công trình giáo dục		201.065.000	-	5.200.000	-	5.200.000	-	-	
1	Nâng cấp, sửa chữa trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	Xuân Đông	13.963.000		500.000		500.000			
2	Nâng cấp, sửa chữa trường THCS Trần Phú	Xuân Đông	12.520.000		500.000		500.000			
3	Xây dựng khu hiệu bộ, phòng chức năng trường Tiểu học Xuân Đông	Xuân Đông	16.304.000		500.000		500.000			
4	Xây dựng bổ sung phòng học, phòng chức năng, khu hiệu bộ trường Tiểu học Xuân Mỹ	Xuân Mỹ	36.086.000		500.000		500.000			
5	Xây dựng bổ sung phòng học, phòng chức năng trường Mầm non Hoa Mai	Xuân Mỹ	6.958.000		400.000		400.000			
6	Xây dựng bổ sung phòng học, phòng chức năng trường Mầm non Sơn Ca	Xuân Đường	12.236.000		500.000		500.000			
7	Nâng cấp, sửa chữa trường THCS Ngô Quyền	Sông Ray	28.525.000		500.000		500.000			
8	Xây dựng bổ sung phòng học, phòng chức năng trường Mầm non Long Giao (phân hiệu Hoàn Quân)	Long Giao	8.701.000		300.000		300.000			

STT	 Danh mục dự án	Địa điểm	Tổng mức đầu tư	Đã bố trí vốn KH đến năm 2020	Kế hoạch năm 2021				Ghi chú	
					Tổng số	Trong đó				
						Nguồn XDCB tập trung	Nguồn số kế hoạch	Nguồn tinh bổ sung có mục tiêu		Nguồn thu tiền sử dụng đất
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	12
9	Xây dựng 02 phòng chức năng Trường Mầm non Lâm Sơn (phần hiệu áp 5)	Lâm Sơn	9.322.000		500.000		500.000			
10	Xây mới trường Mầm non Bảo Bình (phần hiệu áp Tân Xuân)	Bảo Bình	29.780.000		500.000		500.000			
11	Xây mới khu hiệu bộ, phòng chức năng Trường Tiểu học Bảo Bình	Bảo Bình	26.670.000		500.000		500.000			
C	Vốn bố trí thực hiện các dự án khi đủ điều kiện				83.000.000	49.800.000	17.000.000		16.200.000	Vốn bố trí các dự án chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án khi đủ điều kiện uỷ quyền cho UBND huyện
D	Một số dự án khác trên địa bàn huyện; vốn cấp sau quyết toán; vốn hỗ trợ các dự án XHH				26.050.000	26.050.000				Vốn bố trí các dự án khác, vốn cấp quyết toán vốn đầu tư hoàn thành, vốn hỗ trợ các dự án xã hội hoá khi đủ điều kiện uỷ quyền cho UBND huyện







CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc


DANH MỤC CÔNG TRÌNH XÃ HỘI HÓA - GIAO THÔNG NÔNG THÔN NĂM 2021


(Kèm theo Nghị quyết số: 31/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Cẩm Mỹ)

DVT: Triệu đồng


STT	Tên công trình	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn đầu tư				Giá trị xây lắp	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:				
				Ngân sách tỉnh tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn nhân dân đóng góp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
181	TỔNG CỘNG	170.895	170.895	71.398	51.053	48.444	145.867	
I	Sông Ray	20.115	20.115	8.046	5.632	6.437	16.092	
1	Đường tổ 8b ấp 1, xã Sông Ray	1.260	1.260	504	353	403	1.008	
2	Đường tổ 7, tổ 8b ấp 2, xã Sông Ray	975	975	390	273	312	780	
3	Đường tổ 11 ấp 3, xã Sông Ray	1.125	1.125	450	315	360	900	
4	Đường tổ 12 ấp 3, xã Sông Ray	450	450	180	126	144	360	


STT	 Tên công trình	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn đầu tư				Giá trị xây lắp	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:				
				Ngân sách tỉnh tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn nhân dân đóng góp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
5	Đường tổ 2a, tổ 3 ấp 3, xã Sông Ray	600	600	240	168	192	480	
6	Đường tổ 8a ấp 4, xã Sông Ray	825	825	330	231	264	660	
7	Đường tổ 4 đi tổ 7 ấp 4 nâng cấp, xã Sông Ray	1.425	1.425	570	399	456	1.140	
8	Đường tổ 1, tổ 6, tổ 3 ấp 5 xã Sông Ray	900	900	360	252	288	720	
9	Đường tổ 10 ấp 6, xã Sông Ray	825	825	330	231	264	660	
10	Đường tổ 9A ấp 6, xã Sông Ray	435	435	174	122	139	348	
11	Đường 7D ấp 7, xã Sông Ray	870	870	348	244	278	696	
12	Đường tổ 2C, tổ 5C ấp 7, xã Sông Ray	1.125	1.125	450	315	360	900	
13	Đường Tổ 8b ấp 8, xã Sông Ray	1.125	1.125	450	315	360	900	
14	Đường tổ 7b ấp 8 nối dài, xã Sông Ray	1.050	1.050	420	294	336	840	
15	Đường tổ 3, tổ 6 ấp 8, xã Sông Ray	765	765	306	214	245	612	
16	Đường tổ 10, tổ 11, tổ 6, tổ 2 ấp 9, xã Sông Ray	1.170	1.170	468	328	374	936	
17	Đường tổ 6D ấp 9, xã Sông Ray	555	555	222	155	178	444	


STT	 Tên công trình	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn đầu tư				Giá trị xây lắp	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:				
				Ngân sách tỉnh tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn nhân dân đóng góp		
I	2	3	4	5	6	7	8	9
18	Đường tổ 3a ấp 10, xã Sông Ray	900	900	360	252	288	720	
19	Đường tổ 5a ấp 10, xã Sông Ray	705	705	282	197	226	564	
20	Đường tổ 1A, tổ 1C ấp 10, xã Sông Ray	1.200	1.200	480	336	384	960	
21	Đường tổ 10d ấp 10, xã Sông Ray	1.500	1.500	600	420	480	1.200	
22	Đường tổ 2A ấp 10, xã Sông Ray	330	330	132	92	106	264	
II	Xuân Đường	5.900	5.900	2.044	1.788	2.068	5.109	
1	Sửa chữa đường số 8 ấp 1, xã Xuân Đường	800	800	277	243	280	693	
2	Đường Bung B hướng bắc ấp 2, xã Xuân Đường	3.100	3.100	1.074	939	1.087	2.684	
3	Đường Bung B hướng nam nối dài ấp 2, xã Xuân Đường	2.000	2.000	693	606	701	1.732	
III	Xuân Quế	15.488	15.488	6.582	4.608	4.298	13.164	
1	Đường khu Cầu Đỏ, ấp 1, xã Xuân Quế	1.500	1.500	638	446	416	1.275	
2	Đường vào khu Thái Lan - Đầu Rìu, ấp 1, xã Xuân Quế nối dài	1.050	1.050	446	312	291	893	


STT	 Tên công trình	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn đầu tư				Giá trị xây lắp	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:				
				Ngân sách tỉnh tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn nhân dân đóng góp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
3	Đường D2 khu Đồi Thái Lan, ấp 1, xã Xuân Quế	2.200	2.200	935	655	611	1.870	
4	Đường Nhánh N42, ấp 1, xã Xuân Quế	875	875	372	260	243	744	
5	Đường Nhánh N43, ấp 1, xã Xuân Quế	875	875	372	260	243	744	
6	Đường Nhánh N44, ấp 1, xã Xuân Quế	700	700	298	208	194	595	
7	Đường Nhánh N45, ấp 1, xã Xuân Quế	175	175	74	52	49	149	
8	Đường Nhánh N46, ấp 2, xã Xuân Quế	175	175	74	52	49	149	
9	Đường khu 2, ấp Suối Râm nổi dài	1.650	1.650	701	491	458	1.403	
10	Đường D3 khu 2, ấp Suối Râm	1.275	1.275	542	379	354	1.084	
11	Đường D4 khu 2, ấp Suối Râm	900	900	383	268	250	765	
12	Đường D2 khu 3, ấp Suối Râm	1.488	1.488	632	443	413	1.264	
13	Đường D3 khu 3, ấp Suối Râm	675	675	287	201	187	574	
14	Đường D4 khu 3, ấp Suối Râm	900	900	383	268	250	765	
15	Đường D2 khu 2, ấp 57, xã Xuân Quế	1.050	1.050	446	312	291	893	


STT	Tên công trình	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn đầu tư				Giá trị xây lắp	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:				
				Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn nhân dân đóng góp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
IV	Xuân Mỹ	7.106	7.106	3.020	2.114	1.973	6.039	
1	Đường tổ 7 Rẫy A - ấp Láng Lớn	3.071	3.071	1.305	914	853	2.610	
2	Đường tổ 3, tổ 5 - ấp Cẩm Sơn	1.860	1.860	791	553	516	1.581	
3	Đường tổ 8 - ấp Cẩm Sơn	2.175	2.175	924	647	604	1.848	
V	Xuân Bảo	4.900	4.900	2.000	1.400	1.500	4.000	
1	Đường tổ 23 ấp Nam Hà, xã Xuân Bảo	400	400	150	105	145	300	
2	Đường TĐ 8 ấp Nam Hà, xã Xuân Bảo	1.800	1.800	750	525	525	1.500	
3	Đường tổ 25 ấp Tân Hạnh, xã Xuân Bảo	2.700	2.700	1.100	770	830	2.200	
VI	Thừa Đức	18.090	18.090	7.236	5.065	5.789	14.472	
1	Đường tổ 1-1 ấp Tự Túc, xã Thừa Đức	950	950	380	266	304	760	
2	Đường tổ 2-1 ấp Tự túc, xã Thừa Đức	950	950	380	266	304	760	
3	Đường tổ 3-9 ấp 4 xã Thừa Đức	560	560	224	157	179	448	
4	Đường tổ 16 ấp 4 xã Thừa Đức	800	800	320	224	256	640	

STT	 Tên công trình	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn đầu tư				Giá trị xây lắp	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:				
				Ngân sách tỉnh tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn nhân dân đóng góp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
5	Đường tổ 1A ấp 3 xã Thừa Đức	960	960	384	269	307	768	
6	Đường tổ 1B ấp 3 xã Thừa Đức	800	800	320	224	256	640	
7	Đường tổ 10-1 ấp 8, xã Thừa Đức	1.280	1.280	512	358	410	1.024	
8	Đường tổ 10-2 ấp 8, xã Thừa Đức	1.280	1.280	512	358	410	1.024	
9	Đường tổ 2-1 ấp 8, xã Thừa Đức	480	480	192	134	154	384	
10	Đường tổ 2-2 ấp 8, xã Thừa Đức	1.600	1.600	640	448	512	1.280	
11	Đường tổ 4-1 ấp 8, xã Thừa Đức	800	800	320	224	256	640	
12	Đường tổ 4-2 ấp 8, xã Thừa Đức	750	750	300	210	240	600	
13	Đường tổ 7B -1 ấp 8 xã Thừa Đức	1.920	1.920	768	538	614	1.536	
14	Đường tổ 7B -2 ấp 8, xã Thừa Đức	800	800	320	224	256	640	
15	Đường tổ 7B - 3 ấp 3 ấp 8 xã Thừa Đức	960	960	384	269	307	768	
16	Đường tổ 9A ấp 8 xã Thừa Đức	1.600	1.600	640	448	512	1.280	
17	Đường tổ 3-1 ấp 8, xã Thừa Đức	1.600	1.600	640	448	512	1.280	

STT	 Tên công trình	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn đầu tư				Giá trị xây lắp	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:				
				Ngân sách tỉnh tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn nhân dân đóng góp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
VII	Bảo Bình	9.422	9.422	4.004	2.803	2.615	8.009	
1	Đường tổ 1,2 ấp Lò Than	1.596	1.596	678	475	443	1.357	
2	Đường nhánh 1 tổ 1,2 ấp Lò Than	770	770	327	229	214	654	
3	Đường nhánh 1 tổ 2 nối dài ấp Tân Bình	428	428	182	127	119	363	
4	Đường nhánh 2 tổ 7 ấp Tân Bình	342	342	145	102	95	291	
5	Đường tổ 3,5 ấp Tân Bình	1.397	1.397	594	415	388	1.187	
6	Đường nhánh 2 tổ 2 ấp Tân Hòa	855	855	363	254	237	727	
7	Đường tổ 18 ấp Tân Hòa	2.223	2.223	945	661	617	1.890	
8	Đường nhánh 1 tổ 17 ấp Tân Bảo	1.197	1.197	509	356	332	1.017	
9	Đường nhánh 2 tổ 17 ấp Tân Bảo	342	342	145	102	95	291	
10	Đường nhánh 1 tổ 7 ấp Tân Xuân	274	274	116	81	76	233	
VIII	Xuân Tây	21.262	21.262	9.355	6.549	5.358	18.711	
1	Đường tổ 10, 11 nhánh 1 ấp 1 Xã Xuân Tây	1.153	1.153	507	355	290	1.014	

STT	 Tên công trình	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn đầu tư				Giá trị xây lắp	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:				
				Ngân sách tỉnh tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn nhân dân đóng góp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
2	Đường tổ 3-1 nhánh 1 ấp 2 Xã Xuân Tây	1.650	1.650	726	508	416	1.452	
3	Đường tổ 7, 6 nhánh 1 ấp 3 Xã Xuân Tây	1.391	1.391	612	429	351	1.224	
4	Đường tổ 5 nhánh 2 ấp 3 Xã Xuân Tây	1.220	1.220	537	376	307	1.073	
5	Đường tổ 5, 9 nội đồng ấp 4, Xã Xuân Tây	2.226	2.226	979	686	561	1.959	
6	Đường tổ 8 nhánh 1 ấp 5, Xã Xuân Tây	557	557	245	171	140	490	
7	Đường tổ 1-2 nhánh 2 ấp 8, Xã Xuân Tây	716	716	315	220	180	630	
8	Đường tổ 7-9 nhánh 2 ấp 8, Xã Xuân Tây	518	518	228	160	131	456	
9	Đường tổ 2 nhánh 1 ấp 9, Xã Xuân Tây	875	875	385	269	220	770	
10	Đường tổ 4-1 nhánh 1 ấp 9, Xã Xuân Tây	1.484	1.484	653	457	374	1.306	
11	Đường tổ 4-2 nhánh 1 ấp 10, Xã Xuân Tây	1.606	1.606	707	495	405	1.413	
12	Đường tổ 5-7 nhánh 1 ấp 10, Xã Xuân Tây	1.208	1.208	532	372	305	1.063	
13	Đường tổ 9 nhánh 1 ấp 10, Xã Xuân Tây	1.073	1.073	472	331	270	944	
14	Đường tổ 10-17 nhánh 1 ấp 10, Xã Xuân Tây	994	994	437	306	250	875	


STT	 Tên công trình	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn đầu tư				Giá trị xây lắp	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:				
				Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn nhân dân đóng góp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
15	Đường tổ 3 nhánh 1 ấp 11, Xã Xuân Tây	1.002	1.002	441	309	252	881	
16	Đường tổ 2 nhánh 1 ấp 11, Xã Xuân Tây	1.511	1.511	665	465	381	1.329	
17	Đường tổ 4-2 nhánh 2 ấp 12, Xã Xuân Tây	1.206	1.206	531	371	304	1.061	
18	Đường tổ 2-4 nhánh 1 ấp 12, Xã Xuân Tây	875	875	385	269	220	770	
IX	Long Giao	5.693	5.693	2.277	1.594	1.822	4.554	
1	Đường khu 4 nối khu 5 ấp Suối Cả, xã Long Giao	1.980	1.980	792	554	634	1.584	
2	Đường nhánh rẽ khu Cẩm Tiêm ấp Hoàn Quân, xã Long Giao	578	578	231	162	185	462	
3	Đường nhánh 2A khu Cẩm Tiêm ấp Hoàn Quân, xã Long Giao	495	495	198	139	158	396	
4	Đường tổ 11, tổ 12 ấp Hoàn Quân, xã Long Giao	990	990	396	277	317	792	
5	Đường tổ 4 Khu Đồi 57, xã Long Giao	1.650	1.650	660	462	528	1.320	
X	Lâm Sơn	26.035	26.035	11.065	7.745	7.225	22.130	
1	Đường tổ 5A, 5B nối dài, ấp 1, xã Lâm Sơn	540	540	230	161	150	459	
2	Đường tổ 5B, ấp 1, xã Lâm Sơn	960	960	408	286	266	816	


STT	 Tên công trình	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn đầu tư				Giá trị xây lắp	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:				
				Ngân sách tỉnh tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn nhân dân đóng góp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
3	Đường tổ 10B, ấp 1, xã Lâm San	1.450	1.450	616	431	402	1.233	
4	Đường tổ 1A nối dài, ấp 1, xã Lâm San	580	580	247	173	161	493	
5	Đường nhánh rẽ tổ 3B, ấp 1, xã Lâm San	270	270	115	80	75	230	
6	Đường tổ 3B đi tổ 4, ấp 1, xã Lâm San	203	203	86	60	56	172	
7	Đường tổ 5D, ấp 1, xã Lâm San	363	363	154	108	101	308	
8	Đường tổ 11B, ấp 1, xã Lâm San	405	405	172	120	112	344	
9	Đường tổ 5C, ấp 1, xã Lâm San	270	270	115	80	75	230	
10	Đường nhánh rẽ Sân Bay, ấp 1, xã Lâm San	338	338	143	100	94	287	
11	Đường tổ 3B nối dài, ấp 1, xã Lâm San	203	203	86	60	56	172	
12	Đường tổ 1A, ấp 2, xã Lâm San	135	135	57	40	37	115	
13	Đường tổ 1B, ấp 2, xã Lâm San	608	608	258	181	169	516	
14	Đường tổ 5A, ấp 2, xã Lâm San	540	540	230	161	150	459	
15	Đường tổ 5B, ấp 2, xã Lâm San	270	270	115	80	75	230	

STT	Tên công trình	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn đầu tư				Giá trị xây lắp	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:				
				Ngân sách tỉnh tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn nhân dân đóng góp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
16	Đường tổ 5C, ấp 2, xã Lâm San	435	435	185	129	121	370	
17	Đường tổ 7A, ấp 2, xã Lâm San	473	473	201	141	131	402	
18	Sửa chữa tuyến đường Khu tái định cư, ấp 2, xã Lâm San	270	270	115	80	75	230	
19	Đường tổ 7C, ấp 3, xã Lâm San	405	405	172	120	112	344	
20	Đường tổ 11C, ấp 3, xã Lâm San	203	203	86	60	56	172	
21	Đường tổ 6D, ấp 3, xã Lâm San	338	338	143	100	94	287	
22	Đường tổ 6G, ấp 3, xã Lâm San	338	338	143	100	94	287	
23	Đường tổ 6F, ấp 3, xã Lâm San	473	473	201	141	131	402	
24	Đường tổ 7D, ấp 3, xã Lâm San	405	405	172	120	112	344	
25	Đường tổ 4C nối dài, ấp 3, xã Lâm San	878	878	373	261	244	746	
26	Đường tổ 9A nối dài, ấp 3, xã Lâm San	203	203	86	60	56	172	
27	Đường nhánh rẽ hồ Giao Thông, ấp 3, xã Lâm San	270	270	115	80	75	230	
28	Đường tổ 8A, ấp 4, xã Lâm San	1.080	1.080	459	321	300	918	

STT	Tên công trình	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn đầu tư				Giá trị xây lắp	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:				
				Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn nhân dân đóng góp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
29	Đường tổ 8B, ấp 4, xã Lâm San	473	473	201	141	131	402	
30	Đường tổ 12A, ấp 4, xã Lâm San	435	435	185	129	121	370	
31	Đường tổ 13, ấp 4, xã Lâm San	405	405	172	120	112	344	
32	Đường tổ 7, ấp 4, xã Lâm San	540	540	230	161	150	459	
33	Đường tổ 3, ấp 4, xã Lâm San	675	675	287	201	187	574	
34	Đường tổ 13A, ấp 4, xã Lâm San	270	270	115	80	75	230	
35	Đường tổ 6, ấp 4, xã Lâm San	945	945	402	281	262	803	
36	Sửa chữa tuyến đường tổ 14, tổ 15, ấp 4, xã Lâm San	2.430	2.430	1.033	723	674	2.066	
37	Đường tổ 9, ấp 5, xã Lâm San	270	270	115	80	75	230	
38	Đường tổ 9A, ấp 5, xã Lâm San	203	203	86	60	56	172	
39	Đường tổ 2 nối dài, ấp 5, xã Lâm San	1.890	1.890	803	562	524	1.607	
40	Đường tổ 13, ấp 5, xã Lâm San	270	270	115	80	75	230	
41	Đường tổ 11, ấp 5, xã Lâm San	270	270	115	80	75	230	

STT	Tên công trình	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn đầu tư				Giá trị xây lắp	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:				
				Ngân sách tỉnh tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn nhân dân đóng góp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
42	Sửa chữa tuyến đường tổ 11-13, ấp 5, xã Lâm San	1.620	1.620	689	482	450	1.377	
43	Đường tổ 5C, ấp 6, xã Lâm San	473	473	201	141	131	402	
44	Đường tổ 6E, ấp 6, xã Lâm San	203	203	86	60	56	172	
45	Đường tổ 6C, ấp 6, xã Lâm San	145	145	62	43	40	123	
46	Đường tổ 5B, ấp 6, xã Lâm San	945	945	402	281	262	803	
47	Đường tổ 5D, ấp 6, xã Lâm San	203	203	86	60	56	172	
48	Đường tổ 6F, ấp 6, xã Lâm San	473	473	201	141	131	402	
XI	Xuân Đông	21.985	21.985	9.344	6.541	6.101	18.687	
1	Đường tổ 1A ấp Láng Me 2	688	688	292	205	191	584	
2	Đường tổ 1B ấp Láng Me 2	825	825	351	245	229	701	
3	Đường tổ 8 ấp Láng Me 2	688	688	292	205	191	584	
4	Đường tổ 1A ấp Bể Bạc	990	990	421	295	275	842	
5	Đường tổ 23 ấp Bể Bạc đi Thoại Hương	1.650	1.650	701	491	458	1.403	

STT	 Tên công trình	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn đầu tư				Giá trị xây lắp	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:				
				Ngân sách tỉnh tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn nhân dân đóng góp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
6	Đường tổ 10C ấp Bê Bạc	825	825	351	245	229	701	
7	Đường tổ 12, tổ 16 ấp Bê Bạc	825	825	351	245	229	701	
8	Đường tổ 17, tổ 18 ấp Suối Nhất	825	825	351	245	229	701	
9	Đường tổ 15 ấp Suối Nhất	495	495	210	147	137	421	
10	Đường tổ 10, tổ 15 ấp La Hoa	1.155	1.155	491	344	321	982	
11	Đường tổ 6, tổ 16 ấp La Hoa	2.640	2.640	1.122	785	733	2.244	
12	Đường tổ 8 ấp La Hoa	495	495	210	147	137	421	
13	Đường tổ 6 ấp La Hoa	660	660	281	196	183	561	
14	Đường tổ 5, tổ 6, tổ 7 ấp Cọ Dầu 1	1.800	1.800	765	536	500	1.530	
15	Đường tổ 8, tổ 9, tổ 10 ấp Cọ Dầu 1	1.650	1.650	701	491	458	1.403	
16	Đường tổ 9 ấp Suối Lức	2.475	2.475	1.052	736	687	2.104	
17	Đường tổ 10 ấp Thoại Hương	1.980	1.980	842	589	549	1.683	
18	Đường tổ 6 ấp Cọ Dầu 2	495	495	210	147	137	421	

STT	 Tên công trình	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn đầu tư				Giá trị xây lắp	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:				
				Ngân sách tỉnh tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn nhân dân đóng góp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
19	Đường tổ 13 nối dài ấp Cọ Dầu 2	825	825	351	245	229	701	
XII	Sông Nhạn	14.900	14.900	6.425	5.215	3.260	14.900	
1	Đường khóm 4 ấp 1 nối dài xã Sông Nhạn	900	900	400	315	185	900	
2	Đường nhánh số 10 ấp 2 xã Sông Nhạn	500	500	225	175	100	500	
3	Đường nhánh số 11 ấp 2 xã Sông Nhạn	1.100	1.100	500	385	215	1.100	
4	Đường N3 khu 2 ấp 3 xã Sông Nhạn	1.700	1.700	700	595	405	1.700	
5	Đường N4 khu 2 ấp 3 xã Sông Nhạn	500	500	200	175	125	500	
6	Đường N7 khu 1 ấp 3 xã Sông Nhạn	650	650	275	228	148	650	
7	Đường A1 khu 2 ấp 4 xã Sông Nhạn	450	450	200	158	93	450	
8	Đường A2 khu 2 ấp 4 xã Sông Nhạn	1.800	1.800	850	630	320	1.800	
9	Đường nhánh rẽ D1 khu 1 ấp 4 xã Sông Nhạn	500	500	200	175	125	500	
10	Đường nhánh rẽ trung tâm khu 1 ấp 4 xã Sông Nhạn	750	750	325	263	163	750	
11	Đường D1 khu 2 ấp 5 nối dài xã Sông Nhạn	400	400	175	140	85	400	

STT	Tên công trình	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn đầu tư				Giá trị xây lắp	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:				
				Ngân sách tỉnh tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn nhân dân đóng góp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
12	Đường khu 2 ấp 5 nối dài xã Sông Nhạn	700	700	300	245	155	700	
13	Đường nhánh rẽ khu 4 ấp 5 xã Sông Nhạn	800	800	325	280	195	800	
14	Đường cầu vượt số 1 khu 4 ấp 5 đi xã Lộ 25 nối dài xã Sông Nhạn	750	750	325	263	163	750	
15	Đường nhánh rẽ A2 khu 3 ấp 5 xã Sông Nhạn	800	800	350	280	170	800	
16	Đường nối khu 2 đi khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn	1.250	1.250	500	438	313	1.250	
17	Đường N3 khu 2 ấp 6 xã Sông Nhạn	600	600	250	210	140	600	
18	Đường N4 khu 2 ấp 6 xã Sông Nhạn	750	750	325	263	163	750	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ




CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

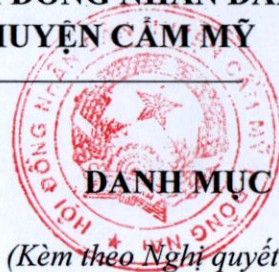
DANH MỤC CÔNG TRÌNH NHÀ VĂN HÓA ẤP NĂM 2021

(Kèm theo Nghị Quyết số: 31/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Cẩm Mỹ)

Đơn vị tính: Đồng

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Nguồn vốn đầu tư			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		
			Ngân sách huyện	Vốn nhân dân đóng góp	
	Tổng cộng	2.940.000.000	2.400.000.000	540.000.000	
	Xuân Tây	1.000.000.000	800.000.000	200.000.000	
1	Xây dựng nhà văn hóa ấp 6, xã Xuân Tây	500.000.000	400.000.000	100.000.000	
2	Xây dựng nhà văn hóa ấp 10, xã Xuân Tây	500.000.000	400.000.000	100.000.000	
	Sông Ray	1.040.000.000	800.000.000	240.000.000	
3	Xây dựng nhà văn hóa ấp 2, xã Xuân Tây	520.000.000	400.000.000	120.000.000	

STT	 TÊN CÔNG TRÌNH	Nguồn vốn đầu tư			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		
			Ngân sách huyện	Vốn nhân dân đóng góp	
4	Xây dựng nhà văn hóa ấp 7, xã Xuân Tây	520.000.000	400.000.000	120.000.000	
	Thừa Đức	450.000.000	400.000.000	50.000.000	
5	Xây dựng nhà văn hóa ấp 4, xã Xuân Tây	450.000.000	400.000.000	50.000.000	
	Xuân Quế	450.000.000	400.000.000	50.000.000	
6	Xây dựng nhà văn hóa ấp 57, xã Xuân Quế	450.000.000	400.000.000	50.000.000	



DANH MỤC CÔNG TRÌNH XÃ HỘI HÓA - ĐIỆN NÔNG THÔN NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số: 31 /NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2020 của HĐND huyện Cẩm Mỹ)

Đơn vị tính: Đồng

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Nguồn vốn đầu tư			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		
			Ngân sách huyện	Vốn nhân dân đóng góp	
	Tổng cộng	400.000.000	120.000.000	280.000.000	
1	Đường dây hạ thế tổ 7 ấp Tân Xuân, xã Bảo Bình	400.000.000	120.000.000	280.000.000	